

Bản án số: 146/2026/DS-ST  
Ngày: 08-7-2026  
V/v tranh chấp dân sự  
về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bạch Nhật Tuyền và bà Nguyễn Thị Đẹp.

- **Thư ký phiên tòa:**

Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Thái Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2026/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2026, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2026/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2026/QĐST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Nguyễn Thị Kim D1 - Chuyên viên Xử lý nợ.

Địa chỉ: Số C, đường H, phường S, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2026).

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số G đường N, Tổ C, khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa:

- Chị D1, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt.

- Bị đơn - ông C vắng mặt, không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - **Ngân hàng TMCP V**; quá trình tham gia tố tụng, chị **Nguyễn Thị Kim D1**, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông **Phạm Văn C** đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ** LN2302148360904 ngày 18/01/2023 để vay của **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 315.000.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất vay 31%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 48 tháng. Ngày 15/02/2023, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay 315.000.000 đồng cho ông **C**. Hình thức trả gốc và lãi góp định kỳ hàng tháng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, tính đến ngày 08/7/2026, ông **C** đã thanh toán lại cho Ngân hàng tổng số tiền 347.181.666 đồng (trong đó: gốc là 156.887.222 đồng và lãi là 190.294.444 đồng); hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của ông **C** mở tại **Ngân hàng TMCP V**. Do ông **C** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng nên ngày 15/8/2025, Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc 158.112.778 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông **Phạm Văn C** trả ngay một lần nợ gốc 158.112.778 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 63.147.908 đồng; tổng cộng gốc, lãi là **221.260.686 đồng** và tiếp tục tính lãi từ ngày 09/7/2026 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

*Từ khi thụ lý cho đến nay, bị đơn - ông **Phạm Văn C** không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Những lần Tòa án triệu tập, ông **C** đều vắng mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (Phiên họp) mà không tiến hành hòa giải.*

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông **Phạm Văn C** trả cho Ngân hàng nợ gốc 158.112.778 đồng và nợ lãi tính đến ngày 08/7/2026 là 63.147.908 đồng; tổng cộng gốc, lãi là **221.260.686 đồng** và tiếp tục tính lãi từ ngày 09/7/2026 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi

thanh toán hết nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã giao kết; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Với nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên của **Ngân hàng TMCP V**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Căn cứ nội dung Giấy đăng ký kiêm hợp đồng vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ LN2302148360904** ngày 18/01/2023 thể hiện: Ông **Phạm Văn C** đề nghị vay của **Ngân hàng TMCP V** số tiền 315.000.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất vay 31%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 48 tháng. Ngày 15/02/2023, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 315.000.000 đồng cho ông chương. Hình thức trả nợ gốc và lãi gộp định kỳ hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **C** đã thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng tổng số tiền 347.181.666 đồng. Từ ngày 15/8/2025, do ông **C** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc 158.112.778 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn.

[2.2]. Về nghĩa vụ chứng minh: Tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành quy định:

*“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,*

*...2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...”*. Theo đó, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thông báo văn bản tố tụng cho ông **Phạm Văn C** nhận gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 139/TB-TLVA, ngày 10/02/2026; Thông báo về việc yêu cầu phải nộp văn bản ghi ý kiến và giao

nộp tài liệu, chứng cứ số: 1086/TB-TA, ngày 24/4/2026; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 1087/TB-TA, ngày 24/4/2026; Thông báo kết quả Phiên họp số: 1022/TB-TA, ngày 11/5/2026. Tuy nhiên, ông **C** không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đồng thời, ông **C** cũng vắng mặt, không có lý do tại các phiên tòa ngày 19/6/2026 và ngày 08/7/2026. Như vậy, đối chiếu với quy định đã viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử công nhận các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp để làm căn cứ giải quyết vụ án; còn bị đơn không thể hiện sự phản đối. Trên cơ sở đó, xác định: Giữa Ngân hàng và ông **Phạm Văn C** có xác lập giao dịch vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung Hợp đồng đã ký kết.

[2.3]. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự hiện hành quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

*"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;..."*

Như vậy, theo quy định này và nội dung Hợp đồng đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu ông **Phạm Văn C** trả nợ gốc 158.112.778 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về nợ lãi:

Thực tế, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, nợ quá hạn. Căn cứ Điều 100 và khoản 2 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu ông **C** trả nợ lãi tính đến ngày 08/7/2026 tổng số tiền 63.147.908 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 09/7/2026 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.5]. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông **Phạm Văn C** không chấp hành pháp luật - không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng; đồng nghĩa, ông **C** đã từ bỏ quyền được Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý phát sinh theo các quy định của pháp luật hiện hành.

[2.6]. Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông **Phạm Văn C** trả cho Ngân hàng nợ gốc 158.112.778 đồng và nợ lãi tính đến ngày 08/7/2026 tổng số tiền 63.147.908 đồng; tổng cộng gốc, lãi là **221.260.686 đồng** và tiếp tục tính lãi từ ngày 09/7/2026 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.7]. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay số nợ nêu trên, xét thấy, các vấn đề liên quan đến cách thức và thời gian thi hành án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Phạm Văn C** phải chịu toàn bộ án phí

dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các điều 91, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V.**

Buộc ông **Phạm Văn C** trả cho **Ngân hàng TMCP V** nợ gốc 158.112.778 đồng và nợ lãi tính đến ngày 08/7/2026 tổng số tiền 63.147.908 đồng; tổng cộng gốc, lãi là **221.260.686 đồng**. (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/7/2026, ông **Phạm Văn C** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông **C** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Ông **Phạm Văn C** phải chịu 11.063.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí 4.849.732 đồng, đã nộp theo biên lai số 0002399, ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu).

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Anh**